Phụ lục IIIa

BỔ SUNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số..30../2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16, 18. Phường Nhơn Trạch, Xã Phước An						
1	Đường song hành đường Vành đai 3	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Mố B cầu Nhơn Trạch	8.100	5.670	4.860
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.500	2.450	2.100
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m.			2.800	1.960	1.680
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.240	1.568	1.344
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.150	2.205	1.890

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m.			2.520	1.764	1.512
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.016	1.411	1.210
16. Phường Nhơn Trạch						
8	Đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc)	Đoạn còn lại		8.100	5.670	4.860
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc). Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.500	2.450	2.100
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc). Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.800	1.960	1.680
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc). Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.240	1.568	1.344
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc). Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.150	2.205	1.890

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc). Đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.520	1.764	1.512
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc). đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.016	1.411	1.210
18. Xã Phước An						
15	Đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc)	Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước)	Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An	8.000	5.600	4.800
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc), đoạn từ giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long), đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.500	2.450	2.100
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn từ giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến			2.800	1.960	1.680
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn từ giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.240	1.568	1.344

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc), đoạn từ giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long), đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.150	2.205	1.890
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn từ giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến			2.520	1.764	1.512
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn từ Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.016	1.411	1.210
14. Xã Long Phước						
22	Đường 25C	Ranh giới xã Phước An	Quốc lộ 51	8.000	5.600	4.800
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C đoạn từ ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.500	2.450	2.100
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C đoạn từ Ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.800	1.960	1.680

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C đoạn từ ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.240	1.568	1.344
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 25C đoạn từ Ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.150	2.205	1.890
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C đoạn từ ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.520	1.764	1.512
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C đoạn từ ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.016	1.411	1.210
18. Xã Phước An						
29	Đường song hành Cao tốc Bến Lức - Long Thành	Toàn tuyến		8.000	5.600	4.800
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường song hành Cao tốc Bến Lức - Long Thành Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.500	2.450	2.100
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường song hành Cao tốc Bến Lức - Long Thành toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.800	1.960	1.680

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường song hành Cao tốc Bến Lức - Long Thành toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.240	1.568	1.344
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường song hành Cao tốc Bến Lức - Long Thành toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.150	2.205	1.890
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường song hành Cao tốc Bến Lức - Long Thành toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.520	1.764	1.512
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường song hành Cao tốc Bến Lức - Long Thành Toàn tuyến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.016	1.411	1.210
11. Phường Long Thành						
36	Đường D1	Toàn tuyến		10.200	7.140	6.120
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			5.600	3.920	3.360
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			4.480	3.136	2.688

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			3.584	2.509	2.150
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			5.040	3.528	3.024
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			4.032	2.822	2.419
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			3.226	2.258	1.935
43	Đường D3	Toàn tuyến		6.700	4.690	4.020
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.500	2.450	2.100
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.800	1.960	1.680
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.240	1.568	1.344

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			3.150	2.205	1.890
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.520	1.764	1.512
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.016	1.411	1.210